

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: 2758/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 13 tháng 10 năm 2015

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết  
của Sở Công Thương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND, ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP, ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP, ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 14/2014/QĐ-UBND, ngày 03 tháng 6 năm 2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy chế công bố công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 70/TTr-SCT, ngày 23 tháng 9 năm 2015.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này, sửa đổi điểm h (lệ phí) và điểm l (căn cứ pháp lý) của 04 thủ tục hành chính (tại số thứ tự 5,6,7,8) về lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng ban hành kèm theo Quyết định số 2635/QĐ-UBND, ngày 16 tháng 12 năm 2013 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.

Cách thức thực hiện 04 thủ tục hành chính này được quy định như phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Sở Công Thương có trách nhiệm hợp nhất các bộ phận thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định này với bộ phận thủ tục hành chính đã được Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 2635/QĐ-UBND, ngày 16 tháng 12 năm 2013, niêm yết và công khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Tư pháp, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Cục kiểm soát TTHC - Bộ Tư pháp (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Đắk Lắk, Đài PT-TH tỉnh,
- Công TTĐT (để đăng tải);
- Các phòng TH, CN thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC (T\_45b)

**CHỦ TỊCH**



**Phạm Ngọc Nghị**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ  
CÔNG THƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2758, ngày 13/10/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk



**Phần I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**DANH MỤC TTHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG/ THAY THẾ**

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính sau khi sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế	Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; Số thứ tự của TTHC và Quyết định công bố TTHC trước đó	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
<b>Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng</b>				
1		Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	5. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá (Công bố tại Quyết định số 2635/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 của UBND tỉnh Đắk Lắk)	Thông tư 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài Chính, về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.
2		Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư	6. Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng	Thông tư 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài Chính,

		trồng cây thuốc lá	cây thuốc lá (Công bố tại Quyết định số 2635/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.)	về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.
3		Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá trong trường hợp giấy chứng nhận đã hết thời hạn hiệu lực.	7. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá trong trường hợp giấy chứng nhận đã hết thời hạn hiệu lực. (Công bố tại Quyết định số 2635/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.)	Thông tư 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài Chính, về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.
4		Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách nát hoặc bị cháy	8. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách nát hoặc bị cháy (Công bố tại Quyết định số 2635/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.)	Thông tư 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài Chính, về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.

**PHẦN II**  
**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG.**

**1. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá.**

**- h. Lệ phí: (Phần in nghiêng là nội dung sửa đổi)**

(Đối với hoạt động sản xuất thuốc lá được quy định tại STT 2, STT 3, Biểu mức thu phí, lệ phí Ban hành kèm theo Thông tư 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài Chính)

+ Phí thẩm định điều kiện hoạt động để cấp mới, cấp lại do hết hạn, cấp sửa đổi bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá là 2.200.000 đồng/cơ sở/lần.

+ Lệ phí cấp mới, cấp lại, cấp sửa đổi bổ sung Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá là 400.000đồng/giấy/lần cấp.

(Theo quy định tại Thông tư 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài Chính, về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá)

**- l. Căn cứ pháp lý:**

Thông tư 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài Chính, về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá

**2. Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá.**

**- h. Lệ phí: (Phần in nghiêng là nội dung sửa đổi)**

(Đối với hoạt động sản xuất thuốc lá được quy định tại STT 2, STT 3, Biểu mức thu phí, lệ phí Ban hành kèm theo Thông tư 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài Chính)

+ Phí thẩm định điều kiện hoạt động để cấp mới, cấp lại do hết hạn, cấp sửa đổi bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá là 2.200.000 đồng/cơ sở/lần.

+ Lệ phí cấp mới, cấp lại, cấp sửa đổi bổ sung Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá là 400.000đồng/giấy/lần cấp.

(Theo quy định tại Thông tư 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài Chính, về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá)

**- l. Căn cứ pháp lý: (Phần in nghiêng là nội dung sửa đổi)**

Thông tư 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài Chính, về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá

**3. Thủ tục Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá trong trường hợp giấy chứng nhận đã hết thời hạn hiệu lực**

**- h. Lệ phí: (Phần in nghiêng là nội dung sửa đổi)**

(Đối với hoạt động sản xuất thuốc lá được quy định tại STT 2, STT 3, Biểu mức thu phí, lệ phí Ban hành kèm theo Thông tư 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài Chính)

+ Phí thẩm định điều kiện hoạt động để cấp mới, cấp lại do hết hạn, cấp sửa đổi bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá là 2.200.000 đồng/cơ sở/lần.

+ Lệ phí cấp mới, cấp lại, cấp sửa đổi bổ sung Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá là 400.000đồng/giấy/lần cấp.

(Theo quy định tại Thông tư 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài Chính, về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá)

**- l. Căn cứ pháp lý: (Phần in nghiêng là nội dung sửa đổi)**

Thông tư 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài Chính, về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá

**4. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đầu tư trồng cây thuốc lá trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách nát hoặc bị cháy .**

**- h. Lệ phí: (Phần in nghiêng là nội dung sửa đổi)**

(Đối với hoạt động sản xuất thuốc lá được quy định tại STT 2, STT 3, Biểu mức thu phí, lệ phí Ban hành kèm theo Thông tư 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài Chính)

+ Phí thẩm định điều kiện hoạt động để cấp mới, cấp lại do hết hạn, cấp sửa đổi bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá là 2.200.000 đồng/cơ sở/lần.

+ Lệ phí cấp mới, cấp lại, cấp sửa đổi bổ sung Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá là 400.000đồng/giấy/lần cấp.

(Theo quy định tại Thông tư 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài Chính, về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá)

**- l. Căn cứ pháp lý: (Phần in nghiêng là nội dung sửa đổi)**

Thông tư 196/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ Tài Chính, về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá